

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 46 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 06-5-2021

V/v “*Ly hôn và nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tiến

2. Ông Nguyễn Công Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Giả Huệ Tiên – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2020 về việc “*Ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST - HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị H, sinh ngày 19/11/1986.

Trú tại: 19/I, ấp Ph, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. (Có đơn xin vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh Ng, sinh ngày 14/5/1983.

Trú tại: Số 439/AT, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị H trình bày:

Chị và anh Ng tự nguyện cưới nhau vào năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tvào ngày 30/6/2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp thường hay cãi vã, anh Ng không lo cho kinh tế gia

đình nên cả hai đã ly thân từ tháng 8/2020 và anh Ng về Ba Tri sinh sống cho đến nay. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

Về con chung: Có 01 con chung Nh, sinh ngày 17/6/2020 hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Trong quá trình tố tụng, anh Ng biết được yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H nhưng anh Ng không viết bản tự khai trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, không đến Tòa án tham gia tố tụng vụ án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri:

- Về thủ tục: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng, có tiến hành xác minh trình trạng hôn nhân của các đương sự. Tại phiên tòa, thành viên HĐXX thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm túc Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, điều đó cho thấy bị đơn chưa chấp hành đúng nghĩa vụ có mặt như quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận cho chị H ly hôn với anh Ng. Về con chung: Giao cháu Nh cho chị H tiếp tục chăm sóc nuôi giữ và ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh Ng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo quy định pháp luật vào ngày 30/6/2020. Do đó, hôn nhân của chị H và anh Ng là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị H cho rằng vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên cả hai đã ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. HĐXX xét thấy: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Ng theo quy định của pháp luật, anh Ng biết yêu cầu ly hôn của chị H nhưng anh Ng không có văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của chị H và đến nay cũng chưa có hành động thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H, điều đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Ng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở và phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Có 01 con chung Nh, sinh ngày 17/6/2020 hiện đang sống với chị H. HĐXX xét thấy yêu cầu của chị H được nuôi con và không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri phù hợp với các nhận định nêu trên nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị H phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận cho chị H ly hôn với anh Ng.

2. Về con chung: Chị H được nuôi cháu Nh và anh Ng không cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Ng có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực

tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị H phải nộp án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào theo biên lai thu tiền số 0006623 ngày 19/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng